

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 10/03/2024

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Hồ Trần Thanh An	Nữ	02/3/1998	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	174/QĐ134/2024	TH006893	
2	Lô Thị Lan Anh	Nữ	26/8/2002	Nghệ An	Thái	5.0	6.0	175/QĐ134/2024	TH006894	
3	Lô Thị Anh	Nữ	10/02/2001	Nghệ An	Thái	5.7	7.0	176/QĐ134/2024	TH006895	
4	Lô Thị Lan Anh	Nữ	07/01/2001	Nghệ An	Thái	5.3	6.5	177/QĐ134/2024	TH006896	
5	Lê Đức Bằng	Nam	23/11/1983	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	178/QĐ134/2024	TH006897	
6	Phạm Thị Bình	Nữ	29/4/1997	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	179/QĐ134/2024	TH006898	
7	Trương Kim Bồng	Nữ	20/12/1995	Bình Định	Kinh	6.7	9.0	180/QĐ134/2024	TH006899	
8	Nguyễn Văn Chính	Nam	29/5/1994	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	181/QĐ134/2024	TH006900	
9	Vì Thị Kim Dung	Nữ	05/10/2001	Nghệ An	Thái	5.0	6.5	182/QĐ134/2024	TH006901	
10	Lê Thị Dung	Nữ	28/4/2000	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	183/QĐ134/2024	TH006902	
11	Cụt Bá Dung	Nam	10/4/1994	Nghệ An	Khơ Mú	5.7	7.0	184/QĐ134/2024	TH006903	
12	Hồ Văn Giáp	Nam	23/7/1994	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	185/QĐ134/2024	TH006904	
13	Lê Thị Hà	Nữ	21/02/1996	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	186/QĐ134/2024	TH006905	
14	Nguyễn Thị Hà	Nữ	03/6/1998	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	187/QĐ134/2024	TH006906	
15	Nguyễn Thu Hà	Nữ	29/6/2000	Nghệ An	Thái	5.3	8.5	188/QĐ134/2024	TH006907	
16	Nguyễn Văn Hải	Nam	05/12/2000	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	189/QĐ134/2024	TH006908	
17	Trần Lê Hải	Nam	10/5/2000	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	9.0	190/QĐ134/2024	TH006909	
18	Võ Văn Hải	Nam	10/3/1994	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	191/QĐ134/2024	TH006910	
19	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	03/8/2000	Nghệ An	Kinh	5.3	9.0	192/QĐ134/2024	TH006911	
20	Lê Quang Hiếu	Nữ	22/10/1999	P. Hồ Chí Minh	Kinh	6.3	8.5	193/QĐ134/2024	TH006912	
21	Vì Thị Huệ	Nữ	22/02/1995	Nghệ An	Thái	5.7	6.5	194/QĐ134/2024	TH006913	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
22	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	09/8/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	195/QĐ134/2024	TH006914	
23	Nguyễn Hữu Kiên	Nam	23/5/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	196/QĐ134/2024	TH006915	
24	Cao Thị Lâm	Nữ	25/4/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	197/QĐ134/2024	TH006916	
25	Nguyễn Thị Bích Loan	Nữ	02/4/2000	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	9.0	198/QĐ134/2024	TH006917	
26	Nguyễn Văn Minh	Nam	25/9/1994	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	199/QĐ134/2024	TH006918	
27	Nguyễn Thị Nga	Nữ	01/8/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	200/QĐ134/2024	TH006919	
28	Đinh Thị Ngoãn	Nữ	17/8/2000	Nam Định	Kinh	5.3	8.5	201/QĐ134/2024	TH006920	
29	Phạm Thị Anh Ngọc	Nữ	05/02/1985	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	202/QĐ134/2024	TH006921	
30	Lê Mai Phương	Nữ	02/10/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	203/QĐ134/2024	TH006922	
31	Mai Văn Quang	Nam	09/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	6.3	9.0	204/QĐ134/2024	TH006923	
32	Võ Thu Thảo	Nữ	23/5/1993	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	205/QĐ134/2024	TH006924	
33	Hồ Đình Thế	Nam	16/02/1995	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	206/QĐ134/2024	TH006925	
34	Hồ Thị Hoài Thương	Nữ	08/12/1999	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	207/QĐ134/2024	TH006926	
35	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	16/01/1993	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	208/QĐ134/2024	TH006927	
36	Nguyễn Phương Trinh	Nữ	26/4/2005	Nghệ An	Thái	6.7	8.5	209/QĐ134/2024	TH006928	
37	Hoàng Nguyễn Ngọc Tú	Nữ	19/7/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	210/QĐ134/2024	TH006929	
38	Trần Văn Tú	Nam	02/3/1993	Nghệ An	Kinh	7.3	7.5	211/QĐ134/2024	TH006930	
39	Vi Thị Tú Uyên	Nữ	20/10/2005	Nghệ An	Thái	5.0	6.5	212/QĐ134/2024	TH006931	

